TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 22/02/2022
"V/v tranh chấp về dân sự chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

2. Ông Lê Quang Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải -Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/2/2022 và ngày 22/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án thụ lý số 144/2020/TLST ngày 06 tháng 03 năm 2020, về việc "*Tranh chấp về dân sự chia thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021, Theo Quyết định hoãn phiên toà số 01/2022/QĐST-DS, ngày 05/01/2022 và Theo Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số 08/TB-TA, ngày 18/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Văn L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà 495, tổ 11, ấp Tịnh Ch, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L là: Anh Dương Minh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số nhà 7, đường Cái M, tổ 06, ấp 01, xã Mỹ Tr, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2020).

- Bị đơn: Bùi Văn Th (Kh), sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số nhà 88, tổ 03, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn Th là: bà Lê

Hồng D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bùi Thị V, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số nhà 88, tổ 03, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bùi Thị Mỹ L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà 87, tổ 03, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bùi Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 03, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bùi Thị Nh, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà 87, tổ 02, ấp Tịnh H, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị L, sinh năm 1971.

6. Huỳnh Thị Diễm H, sinh năm 1991.

7. Huỳnh Thị Diễm S, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Số nhà 89, tổ 3, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

8. Lê Huỳnh Khả H, sinh ngày 08/01/2019.

Người đại diện theo pháp luật của Lê Huỳnh Khả H là: Anh Lê Hồng Ngh, sinh năm 1990 và chị Huỳnh Thị Diễm H, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: Số nhà 89, tổ 03, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

9. Huỳnh Tấn Th, sinh năm 1958.

10. Huỳnh Công G, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Số nhà 87, tổ 3, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

11. Hà Thị Nh, sinh năm 1965.

12. Bùi Thanh T, sinh năm 1988.

13. Bùi Thị Diễm L, sinh năm 1993.

14. Bùi Thị Diễm Tr, sinh năm 2013.

15. Bùi Lê Hoàng Ng, sinh ngày 06/11/2017.

Người đại diện theo pháp luật của Bùi Thị Diễm Tr và Bùi Lê Hoàng Ng là: Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1988 và chị Lê Thị T, sinh năm 1989. Cùng địa chỉ: Số nhà 89, tổ 3, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng

Tháp.

16. Lê Thị Thu S, sinh năm 1997.

17. Huỳnh Lê Yến V, sinh ngày 06/10/2013.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Yến V là: Anh Huỳnh Công G, sinh năm 1985 và chị Lê Thị Thu S, sinh năm 1997; Cùng địa chỉ: Số nhà 87, tổ 03, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

18. Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1971.

19. Lê Hồng Ngh, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Số nhà 89, tổ 3, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

20. Lê Thiên Ph, sinh ngày 21/12/2020.

Địa chỉ: Số nhà 89, tổ 3, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của Thiên Ph là: Anh Lê Hồng Ngh, sinh năm 1990 và Huỳnh Thị Diễm H, sinh năm 1991; Cùng địa chỉ: Số nhà 89, tổ 3, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

21. Lê Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 89, tổ 03, ấp Tịnh M, xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Dương Minh T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên; ông Bùi Văn Th là bị đơn; bà Bùi Thị Mỹ L, bà Bùi Thị Nh, bà Hà Thị Nh và bà Bùi Thị V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt.

Vắng mặt người có có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Chị Bùi Thị H có đơn xin vắng mặt, chị Nguyễn Thị L, chị Huỳnh Thị Diễm H, chị Huỳnh Thị Diễm S, ông Huỳnh Tấn Th, anh Huỳnh Công G, anh Bùi Thanh T, chị Bùi Thị Diễm L, chị Lê Thị Thu S, anh Huỳnh Ngọc Đ, anh Lê Hồng Ngh và chị Lê Thị T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Văn L (có anh Dương Minh T là người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:

Cụ Bùi Văn Th (chết năm 1993) và cụ Lê Thị N (chết năm 2011) là vợ chồng, cụ Th và cụ N có 06 người con gồm: Bùi Thị V, Bùi Văn L, Bùi Thị Mỹ L, Bùi Văn Th (Kh), Bùi Thị H và Bùi Thị Nh. Cụ Th và cụ N chết không để lại di chúc.

Cụ Th và cụ N chết có để lại di sản là diện tích đất 1.002,4m^2 (trong đó có diện tích 300m^2 đất thổ và diện tích 702,4m^2 đất lâu năm) thuộc thửa số 03, tờ

bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do cụ N đứng tên quyền sử dụng đất.

Do hoàn cảnh gia đình không có chỗ ở, ông L phải ở đất mé sông, ông L nhiều lần yêu cầu ông Th (Kh) chia đều phần diện tích đất nêu trên nhưng ông Th không đồng ý.

Hiện nay, diện tích đất 1.002,4m^2 (trong đó có diện tích 300m^2 đất thổ và diện tích 702,4m^2 đất lâu năm) thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do ông Bùi Văn Th đang quản lý và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên diện tích đất tranh chấp có 04 căn nhà gồm: 01 căn do bà Bùi Thị V đang quản lý, sử dụng; 01 căn do ông Bùi Văn Th đang quản lý, sử dụng; 01 căn do chị Bùi Thị H đang quản lý, sử dụng; 01 căn do bà Bùi Thị Mỹ L đang quản lý, sử dụng; hai ngôi mộ, nhà phụ, nhà vệ sinh và các cây trồng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2020 và thẩm định bổ sung ngày 04/5/2021.

Tại phiên toà, ông Bùi Văn L (có anh Dương Minh T là người đại diện theo uỷ quyền) yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 1.002,4m^2 (đo đạc thực tế 983,1m^2) thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 14/5/2020 và ngày 04/5/2021 cụ thể như sau:

Ông L yêu cầu được hưởng diện tích đất 117m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6, 8, 8A, 6A trở về mốc 6. Ông L không yêu cầu trả giá trị đối với phần diện tích đất chênh lệch.

Ông L đồng ý giữ nguyên hiện trạng 04 căn nhà gồm nhà của bà L, bà H, bà V và ông Th.

Ông L tự nguyện hỗ trợ tiền san lấp cho ông Th số tiền 10.000.000 đồng và đồng ý trả giá trị các cây trồng trên diện tích đất của ông L được hưởng cho ông Th theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Ông L thống nhất Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2020, biên bản xem xét thẩm đinh bổ sung ngày 04/5/2021 và Biên bản định giá ngày 26/11/2020 và ngày 17/6/2021.

- Bị đơn ông Bùi Văn Th (Kh) trình bày:

Ông Th thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Th và cụ N để lại, khi chết cụ Th và cụ N không để lại di chúc.

Ông Th không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông L, ông Th yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất đo đạc thực tế là 893,1m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 14/5/2020 và ngày 04/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh (bao gồm 300m^2 đất thổ và 593,1m^2 đất lâu năm) thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp chia thành 8 phần bằng nhau.

Ông Th yêu cầu được hưởng diện tích đất 405m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6A, 8A, 8B, 8C, 6C, 6B trở về mốc 6A, ông Th đồng ý ông L và bà Nh được hưởng diện tích đất 117m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6, 8, 8A, 6A trở về mốc 6 do ông Th là người có công sức quản lý, sử dụng diện tích đất từ lúc cha mẹ ông Th còn sống, ông Th có công sức nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ và hiện nay ông Th cũng đang thờ cúng cha mẹ. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Th đang giữ.

Ông Th thừa nhận khi cha ông Th chết, mẹ ông Th về nhà ông Th ở nhưng sau đó ông Th có những lời lẽ với mẹ ông Th nên mẹ ông Th xây dựng nhà tạm ở sát vách với nhà bà V để ở.

Đối với yêu cầu tiền san lấp cát số tiền 20.000.000 đồng, ông Th rút lại yêu cầu này.

Ông Th thống nhất Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2020 và biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 04/5/2021 và Biên bản định giá ngày 26/11/2020, ngày 17/6/2021.

- Theo biên bản họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/3/2021, ngày 17/6/2021 và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị V trình bày:

Cụ Bùi Văn Th và cụ Lê Thị N chết không để lại di chúc. Nay, bà V khởi kiện yêu cầu chia diện tích đất 1002,4m^2 (đo đạc thực tế 893,1m^2) thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nay, bà Bùi Thị V yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất đo đạc thực tế là 893,1m^2 thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, bà V yêu cầu được hưởng diện tích đất 131,4m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8C, 1C, 6C trở về mốc 8C và một phần nhà phụ có diện tích 17,9m^2. Bà V không đồng ý di dời căn nhà phụ.

Đối với các cây trồng trên đất do ông Th trồng, bà Vốn đồng ý ông Th được tiếp tục sử dụng các cây trồng, không đồng ý trả giá trị cho ông Th.

Bà V thống nhất Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2020, biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 04/5/2021 và Biên bản định giá ngày 26/11/2020, ngày 17/6/2021.

- Theo biên bản họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/3/2021 và ngày 17/6/2021 và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L trình bày:

Cụ Bùi Văn Th và cụ Lê Thị N có 06 người con gồm: Bùi Thị V, Bùi Văn L, Bùi Thị Mỹ L, Bùi Văn Th (Kh), Bùi Thị H và Bùi Thị Nh. Cụ Th và cụ N chết không để lại di chúc.

Nguồn gốc diện tích đất là của cụ Th và cụ N. Trước kia, khi bà Bùi Thị Mỹ L gặp khó khăn nên xin cha, mẹ (là cụ Bùi Văn Th và cụ Lê Thị N) cho xây dựng nhà và sinh sống trên diện tích đất để có nơi sinh sống ổn định, đã được sự đồng ý của cha, mẹ. Bà L yêu cầu được tiếp tục sử dụng căn nhà để ở, bà L yêu cầu chia

diện tích đất theo pháp luật chia làm 6 phần bằng nhau, bà L yêu cầu hưởng diện tích đất nằm trong phạm vi các mốc 1B, 1A, 3A, 1C trở về mốc 1B diện tích 198m^2. Bà L đồng ý trả giá trị diện tích đất còn dư sau khi chia theo pháp luật cho những người còn thiếu đất theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Đối với các cây trồng trên đất do ông Th trồng, bà L đồng ý trả giá trị lại cho ông Th theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Bà L thống nhất cho bà H và bà V phần diện tích đất trống giáp với vách tường nhà bà L.

Đối với hai ngộ mộ trên diện tích đất của bà L, bà L đồng ý giữ nguyên hiện trạng hai ngôi mộ trên đất của bà L.

Bà L thống nhất thống nhất Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2020, biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 04/5/2021 và Biên bản định giá ngày 26/11/2020, ngày 17/6/2021.

- Theo biên bản họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/3/2021 và ngày 17/6/2021 và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Nh trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất là của cụ Th và cụ N. Cụ Th và cụ N chết không để lại di chúc.

Nay bà Nh yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất đo đạc thực tế 983,1m^2 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh (trong đó có diện tích 300m^2 đất thổ và diện tích 593,1m^2 đất lâu năm) thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, bà Nh yêu cầu chia làm 6 phần bằng nhau nhưng bà Nh yêu cầu được hưởng diện tích đất giáp với nhà của ông Th và bà V nằm trong phạm vi các mốc 8B, 8C, 6C và 6B diện tích là 141,5m^2, bà Nh không yêu cầu trả giá trị đối với phần diện tích đất chênh lệch.

Đối với nhà của bà H, ông Th, bà V, bà L thì bà Nh đồng ý giữ nguyên hiện trạng.

Đối với các cây trồng do ông Th trồng trên đất của bà Nh được hưởng, bà Nh tự nguyện trả giá trị theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Đối với nhà tạm và nhà vệ sinh của ông Th thì bà Nh yêu cầu ông Th di dời, không đồng ý trả giá trị.

- Theo biên bản họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/3/2021 và ngày 17/6/2021 bà Bùi Thị H trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất là của cụ Th và cụ N. Cụ Th và cụ N chết không để lại di chúc.

Nay bà H yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất đo đạc thực tế là 983,1m^2 thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thành 8 phần bằng nhau.

Bà Bùi Thị H yêu cầu được nhận 01 phần diện tích 131,7m^2 nằm trong phạm

vi các mốc 3, 3A, 1A, 1 trở về mốc 3 thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Th, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với các cây trồng trên đất do ông Th trồng, bà H đồng ý cho ông Th tiếp tục sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Nh trình bày: Nguồn gốc diện tích đất là của cụ Th và cụ N, ông Th là con của cụ Th và cụ N, có công sức nuôi dưỡng, thờ cúng cha mẹ nên ông Th được hưởng diện tích đất 405m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6A, 8A, 8B, 8C, 6C, 6B trở về mốc 6A.

- Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17 tháng 6 năm 2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Huỳnh Khả H (người đại diện theo pháp luật là anh Lê Hồng Ngh) trình bày: Do Lê Huỳnh Khả H là con của anh Ngh, anh Ngh gửi con cho ông bà ngoại chăm sóc, bé Khả H cũng còn nhỏ không có công sức đóng góp gì đối với diện tích đất nên không có yêu cầu gì.

- Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17 tháng 6 năm 2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thanh T trình bày:

Diện tích đất hiện nay đang tranh chấp anh T có công sức đóng góp cải tạo diện tích đất nên T đồng ý ông L và bà Nh được hưởng diện tích đất 117m2 nằm trong phạm vi các mốc 6, 8, 8A, 6A trở về mốc 6.

Anh Tâm không yêu cầu công sức đóng góp đối với diện tích.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L, Huỳnh Thị Diễm H, Huỳnh Thị Diễm S, Huỳnh Tấn Th, Bùi Thị Diễm L, Lê Thị Thu S, Huỳnh Ngọc Đ, Lê Hồng Ngh: Đều không có văn băn ghi ý kiến.

- Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17 tháng 6 năm 2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Công Gi trình bày:

Diện tích đất là của ông bà ngoại để lại cho mẹ anh Gi nên anh Gi không có yêu cầu gì.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ông Th. Ông Th được hưởng diện tích đất 405m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8A, 8B, 8C, 6C, 6B6A trở về mốc 8A.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như: Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định; thời hạn gửi hồ sơ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền bình đẳng của những người tham gia tố tụng trước phiên tòa, tính khách quan của Hội đồng xét xử; thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cụ Bùi Văn Th (chết năm 1993) và cụ Lê Thị N (chết năm 2011), cụ Th và cụ N chết không để lại di chúc.

Diện tích đất 1.002,4 (đo đạc thực tế là 983,1m^2) là di sản thửa kế của cụ Th và cụ N. Do đó, được chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Th và cụ N gồm ông L, ông Th, bà Nh, bà V, bà H, bà L mỗi người được hưởng 163,85m^2. Tuy nhiên, ông L, bà V, chị H, bà Nh yêu cầu hưởng diện tích ít hơn theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện.

- Ông L yêu cầu được hưởng diện tích đất 117m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6, 8, 8A, 6A trở về mốc 6 là có cơ sở nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L.

Đối với các cây trồng của ông Th trên phần đất ông L yêu cầu, ông L tự nguyện trả giá trị các cây trồng theo giá của Hội đồng định giá đã định và ông L tự nguyện hỗ trợ số tiền 10.000.000 đồng tiền san lấp cho ông Th nên Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông L.

- Bà L yêu cầu được hưởng diện tích đất 198m^2 nằm trong phạm vi các mốc 1B, 1A, 3A, 1C trở về 1B, bà L đồng ý trả giá trị đất còn dư sau khi chia theo pháp luật cho người còn thiếu đất nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà L phải trả giá trị diện tích đất chệch lệch là 34,15m^2 cho ông Th.

Đối với các cây trồng của ông Th trên đất của bà L, bà L tự nguyện trả giá trị các cây trồng cho ông Th theo giá của Hội đồng định giá đã định nên ghi nhận sự tự nguyện của bà L.

Đối với nhà phụ của bà V thì bà L được quản lý và sử dụng, buộc bà L phải trả giá trị cho bà V theo giá của Hội đồng định giá đã định.

Đối với hai ngô mộ trên diện tích đất của bà L được hưởng, bà L đồng ý giữ nguyên hiện trạng nên ghi nhận sự tự nguyên của bà L.

- Bà Nh yêu cầu được hưởng diện tích đất 141,5m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8B, 8C, 6C, 6B trở về mốc 8B là có cơ sở nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh.

Đối với các cây trồng của ông Th trên đất của bà Nh, bà Nh tự nguyện trả giá trị của các cây trồng cho ông Th theo biên bản định giá của Hội đồng định giá nên Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự nguyện của bà Nh.

Đối với nhà vệ sinh của ông Th, bà Nh được quản lý và sử dụng, buộc bà Nh phải trả giá trị lại cho ông Th.

- Bà H yêu cầu được hưởng diện tích đất 131,7m^2 nằm trong phạm vi các mốc 3, 3A, 1A, 1 trở về mốc 3 nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, bà H được hưởng diện tích đất 131,7m^2 nằm trong phạm vi các mốc 3, 3A, 1A, 1 trở về mốc 3.

Đối với các cây trồng của ông Th trên đất của bà H, buộc bà H phải trả giá trị của các cây trồng cho ông Th theo biên bản định giá của Hội đồng định giá.

- Ông Th yêu cầu được hưởng diện tích đất 405m^2 nằm trong phạm vi các mốc mốc 6A, 8A, 8B, 8C, 6C, 6B trở về mốc 6A là không có cơ sở nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Th, ông Th được hưởng diện tích đất 263,5m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6A, 8A, 8B, 6B trở về mốc 6A.

Đình chỉ đối với yêu cầu tiền san lấp cát số tiền 20.000.000 đồng của ông Th.

Buộc ông Th di dời căn nhà phụ diện tích 13,7m^2 trên diện tích đất của của bà Nh được hưởng.

Bà V yêu cầu được hưởng diện tích đất 131,4m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8C, 1B, 1C, 6C trở về mốc 8C và một phần căn nhà phụ là không có cơ sở chấp nhận nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà V, bà V được hưởng diện tích đất 131,4m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8C, 1B, 1C, 6C trở về mốc 8C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của các nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 5 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Địa chỉ của bị đơn tại thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ông Bùi Văn L, ông Bùi Văn Th, bà Bùi Thị Nh, bà Bùi Thị V, bà Bùi Thị H và bà bà Bùi Thị Mỹ L yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Bùi Văn Th và cụ Lê Thị N để lại diện tích đất 1.002,4m^2 (trong đó có

diện tích 300m^2 đất thổ và diện tích 702,4m^2 đất lâu năm) đo đạc thực tế diện tích 983,1m^2 thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do cụ Lê Thị N đứng tên quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Cụ Bùi Văn Th (chết năm 1993) và cụ Lê Thị N (chết năm 2011) là vợ chồng, cụ Th và cụ N có 6 người con gồm: Bùi Văn Th, Bùi Văn L, Bùi Thị Nh, Bùi Thị H, Bùi Thị Mỹ L và Bùi Thị V. Cụ Th và cụ N chết không để lại di chúc.

Năm 1993, cụ Th chết đến năm 1994 cụ N kê khai đăng ký lần đầu diện tích đất 1.002,4m^2 thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do cụ Lê Thị N đứng tên quyền sử dụng đất. Các con của cụ Th và cụ N cũng thừa nhận diện tích đất là của cụ Th và cụ N để lại, đồng thời khi cụ Th và cụ N chết cũng không để lại di chúc. Sau khi đo đạc thực tế diện tích đất còn lại là 983,1m^2 thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, toạ lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp các con của cụ Th và cụ N đều thống nhất. Do đó, di sản của cụ Th và cụ N được chia thừa kế theo pháp luật, mỗi người được hưởng diện tích 163,85m^2 thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 28, toạ lạc tại xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Trên diện tích đất có 4 căn nhà gồm nhà của ông Th, bà V, bà H và bà L. Ông Th, bà Nh, bà L, bà H, bà V ông L đều thống nhất giữ nguyên diện trạng 4 căn nhà.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Văn L yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Th và cụ N để lại. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu chia phần di sản theo quy định của pháp luật, bởi vì cụ Th và cụ N chết không để lại di chúc. Do đó, diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật mỗi người được hưởng 163,85m^2 nhưng ông L chỉ yêu cầu hưởng diện tích đất 117m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6, 8, 8A, 6A trở về mốc 6 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các cây trồng của ông Th trên phần đất ông L yêu cầu, ông L tự nguyện trả giá trị các cây trồng theo giá của Hội đồng định giá đã định và ông L tự nguyện hỗ trợ tiền san lấp mặt bằng số tiền 10.000.000 đồng cho ông Th là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông L.

[3.2] Xét yêu cầu của ông Th, ông Th yêu cầu được hưởng diện tích đất 405m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6C, 6B, 6A, 8A, 8B, 8C trở về mốc 6C là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi vì, diện tích đất được chia theo pháp luật. Tuy nhiên, các anh, chị em đều thừa nhận ông Th có chăm sóc bà N một thời gian và hiện nay ông Th đang thờ cúng cha mẹ. Đồng thời, các anh chị em thống nhất cho ông Th hưởng diện tích đất nằm trong phạm vi các mốc 6B, 6A, 8A, 8B trở về mốc 6B. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Th. Ông Th được hưởng diện tích đất 263,5m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6A, 8A, 8B, 6B trở về mốc 6A.

Đối với 01 cây mai do ông Th trồng trên đất của bà V do không định giá được giá trị cây mai nên buộc ông Th di dời 01 cây mai trên diện tích đất của bà V được hưởng.

Đình chỉ đối với yêu cầu tiền san lấp cát số tiền 20.000.000 đồng của ông Th.

[3.3] Xét yêu cầu của bà L, bà L yêu cầu được hưởng diện tích 198m^2 nằm trong phạm vi các mốc 1B, 1A, 3A, 1C trở về mốc 1B nhưng chia theo quy định của pháp luật làm 6 phần bằng nhau, diện tích đất của bà Lệ dư là 34,15m^2, bà L tự nguyện trả giá trị còn lại theo giá của Hội đồng định giá. Do đó, diện tích đất còn dư của bà L được chia cho ông Th vì ông Th có công sức đóng góp, nuôi dưỡng và thờ cúng cha mẹ nhưng do diện tích đất không nằm trên phần đất của ông Th được hưởng, nên bà L trả giá trị diện tích đất cho ông Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với các cây trồng của ông Th trên đất của bà L, bà L tự nguyện trả giá trị các cây trồng cho ông Th theo giá của Hội đồng định giá đã định nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L.

Đối với nhà phụ của bà V thì bà L được quản lý và sử dụng, buộc bà L phải trả giá trị cho bà V theo giá trị của Hội đồng định giá.

[3.4] Xét yêu cầu của bà Nh, bà Nh yêu cầu được hưởng diện tích đất 141,5m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8B, 8C, 6C, 6B, trở về mốc 8B là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với các cây trồng của ông Th trên đất của bà Nh, bà Nh tự nguyện trả giá trị của các cây trồng cho ông Th theo biên bản định giá của Hội đồng định giá nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự nguyện của bà Nh.

Đối với nhà vệ sinh của ông Th, bà Nh được quản lý và sử dụng, buộc bà Nh phải trả giá trị lại cho ông Th.

[3.5] Xét yêu cầu của bà Hiền, bà Hiền yêu cầu được hưởng diện tích đất 131,7m^2 nằm trong phạm vi các mốc 3, 3A, 1A, 1 trở về mốc 3 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các cây trồng của ông Th trên đất của bà H, buộc bà H phải trả giá trị của các cây trồng cho ông Th theo biên bản định giá của Hội đồng định giá.

[3.6] Xét yêu cầu của bà V, bà V yêu cầu được hưởng diện tích đất 131,4m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8C, 1B, 1C, 6C trở về mốc 8C và một phần căn nhà phụ có diện tích đất 17,9m^2 là có cơ sở chấp nhận một phần bởi vì căn nhà phụ của bà V nằm sang phần diện tích đất của bà L được hưởng. Do đó, bà L được quản lý và sử dụng và buộc bà L phải trả giá trị căn nhà phụ cho bà V theo giá của Hội đồng định giá. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà V, bà V được hưởng diện tích đất 131,4m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8C, 1B, 1C, 6C trở về mốc 8C.

Đối với các cây trồng của ông Th trên đất mà bà V được hưởng, bà V không tự nguyện trả giá trị nên buộc bà V phải trả giá trị các cây trồng cho ông Th theo biên bản định giá của Hội đồng định giá.

(Toàn bộ diện tích đất và nhà được thể hiện qua Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2020, Biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 04/5/2021 và Sơ đồ đo đạc ngày 14/5/2020 và ngày 04/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh)

[4] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Th là có căn cứ chấp nhận một phần.

[5] Xét Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Xét lời trình bày quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự được hưởng thừa kế nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Ông L, ông Th, bà H, bà Nh, bà L và bà V mỗi người phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Toàn bộ chi phí do ông L tạm ứng số tiền là 4.594.000 đồng. Do đó, ông Th, bà H, bà Nh, bà L và bà V mỗi người phải có trách nhiệm trả lại cho ông L số tiền là 765.666 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 612, 623, 651 Bộ luật dân sự; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn L, Bùi Thị H, Bùi Thị Nh, Bùi Thị Mỹ L chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa số 03, tờ bản đồ số 28 toạ lạc tại xã Tịnh Thới thành phố Cao Lãnh.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Bùi Văn Th.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Bùi Thị V.

Ông Bùi Văn L được hưởng diện tích đất 117m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6, 8, 8A, 6A trở về mốc 6 (trong đó 50m^2 đất thổ và 67m^2 đất lâu năm).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Văn L về trả giá trị các cây trồng trên đất cho ông Bùi Văn Th số tiền là 17.194.000 đồng và số tiền bơm cát là

10.000.000 đồng. Ông Bùi Văn L được hưởng các cây trồng của ông Bùi Văn Th trên diện tích đất ông Bùi Văn L được hưởng.

Ông Bùi Văn Th (Kh) được hưởng diện tích đất 263,5m^2 nằm trong phạm vi các mốc 6A, 8A, 8B, 6B, 6A (trong đó 50m^2 đất thổ và 213,5m^2 đất lâu năm).

Buộc ông Bùi Văn Th di dời căn nhà phụ có diện tích 13,7m^2 trên diện tích đất của bà Bùi Thị Nh được hưởng và buộc ông Th di dời 01 cây mai trồng trên đất của bà V được hưởng.

Đình chỉ yêu cầu của ông Bùi Văn Th đối với tiền san lấp.

Bà Bùi Thị Nh được hưởng diện tích đất 141,5m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8B, 8C, 6C, 6B, 8B (trong đó 50m^2 đất thổ và 91,5m^2 đất lâu năm).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Nh về trả giá trị cây trồng cho ông Bùi Văn Th số tiền 8.520.000 đồng. Bà Bùi Thị Nh được hưởng các cây trồng của ông Bùi Văn Th trên diện tích đất bà Nh được hưởng.

Bà Bùi Thị Nh được quản lý và sử dụng nhà vệ sinh của ông Bùi Văn Th, buộc bà Bùi Thị Nh phải trả giá trị nhà vệ sinh cho ông Bùi Văn Thh số tiền là 24.030.200 đồng.

Bà Bùi Thị H được hưởng diện tích đất 131,7m^2 nằm trong phạm vi các mốc 3, 3A, 1A, 1, 3 (trong đó có 50m^2 đất thổ và 81,7m^2 đất lâu năm).

Bà Bùi Thị H được hưởng các cây trồng của ông Bùi Văn Th trên diện tích đất bà H được hưởng. Buộc bà Bùi Thị H phải trả giá trị cây trồng cho ông Th số tiền là 5.100.000 đồng.

Bà Bùi Thị Mỹ L được hưởng diện tích đất 198m^2 nằm trong phạm vi các mốc 1B, 1A, 3A, 1C, 1B (trong đó 50m^2 đất thổ và 148m^2 đất lâu năm).

Bà Bùi Thị Mỹ L được hưởng các cây trồng của ông Bùi Văn Th trên diện tích đất bà L được hưởng. Buộc bà Bùi Thị Mỹ L phải trả giá trị cây trồng cho ông Bùi Văn Th số tiền 7.300.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về trả giá trị diện tích đất chênh lệch là 34,15m^2 đất lâu năm cho ông Th số tiền là 6.488.500 đồng.

Giữ nguyên hiện trạng hai ngô mộ trên diện tích đất của bà L được hưởng.

Bà Bùi Thị Mỹ L được quản lý và sử dụng một phần căn nhà phụ của bà Bùi Thị V. Buộc bà Bùi Thị Mỹ L phải trả giá trị một phần căn nhà phụ cho bà Bùi Thị V số tiền là 51.068.700 đồng.

Bà Bùi Thị V được hưởng diện tích đất 131,4m^2 nằm trong phạm vi các mốc 8C, 1B, 1C, 6C trở về mốc 8C (trong đó 50m^2 đất thổ và 81,4m^2 đất lâu năm).

Bà Bùi Thị V được hưởng các cây trồng của ông Bùi Văn Th trên diện tích đất bà V được hưởng. Buộc bà Bùi Thị V phải trả giá trị cây trồng cho ông Bùi Văn Th số tiền 6.200.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên mà bên chậm thi hành án sẽ được tính lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

Ông Bùi Văn L, bà Bùi Thị V, bà Bùi Thị Nh, bà Bùi Thị H và bà Bùi Thị Mỹ L được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ông Bùi Văn Th và bà Hà Thị Nh được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về án phí phần di sản mỗi người được hưởng:

Ông Bùi Văn L phải chịu án phí nhưng ông L được miễn nộp án phí do ông lớn thuộc diện người cao tuổi theo Thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 32/TB-TA, ngày 06/3/2020.

Ông Bùi Văn Th phải chịu án phí nhưng ông Th được miễn nộp án phí do ông Th thuộc diện người có công với cách mạng theo Thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 313/TB-TA, ngày 25/6/2020.

Bà Bùi Thị Nh phải chịu án phí số tiền 4.496.760 đồng nhưng được số trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004887, ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, bà Nh phải nộp thêm số tiền 3.746.760 đồng.

Bà Bùi Thị H phải chịu án phí số tiền 3.031.150 đồng nhưng được số trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 425.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0004876, ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, bà H phải nộp thêm số tiền 2.606.150 đồng.

Bà Bùi Thị Mỹ L được miễn nộp tiền án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Bà Bùi Thị V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí thuộc diện người cao tuổi theo Thông báo số 349/TB-TA, ngày 20/10/2020.

Về chi phí thẩm định đất, tài sản và định giá: Ông L, ông Th, bà H, bà Nh, bà L và bà v mỗi người phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Toàn bộ chi phí do ông L tạm ứng số tiền là 4.594.000 đồng. Do đó, ông Bùi Văn Th có trách nhiệm trả lại cho ông Bùi Văn L số tiền 765.666 đồng, bà Bùi Thị H có trách nhiệm trả lại cho ông Bùi Văn L số tiền 765.666 đồng, bà Bùi Thị Nh có trách nhiệm trả lại cho ông Bùi Văn L số tiền 765.666 đồng, bà Bùi

Thị Mỹ L có trách nhiệm trả lại cho ông Bùi Văn L số tiền 765.666 đồng và bà Bùi Thị V có trách nhiệm trả lại cho ông Bùi Văn L số tiền 765.666 đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên phiên tòa khi tuyên án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- TAND Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huế